

Số: 18/BC-BKTNS

Kbang, ngày 15 tháng 9 năm 2025

## BÁO CÁO

### Thẩm tra tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025

Thực hiện phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã tại Công văn số 67/CV-TTHĐND ngày 10/9/2025 về việc phân công thẩm tra nội dung Tờ trình kèm theo dự thảo Nghị quyết do UBND xã trình. Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã tổ chức thẩm tra các dự thảo Nghị quyết do Ủy ban nhân dân xã trình tại kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 (theo Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã)<sup>1</sup>, và các tài liệu có liên quan. Qua ý kiến thảo luận của Ủy viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân xã giao xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về cơ sở pháp lý

Căn cứ Khoản 1, Điều 11<sup>2</sup> quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp xã và Khoản 3, 7, Điều 12<sup>3</sup> quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã tại Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Việc Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 có cơ sở pháp lý và

---

<sup>1</sup> Hồ sơ Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã, gồm: (1) Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã "về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025. (2) Phương án số 49/PA-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kbang về việc sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025. (3) Dự thảo Nghị quyết "về việc quyết định phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025.

<sup>2</sup> Điều 11. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp xã: 1. Phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng, xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 4 Điều 70 và điểm g khoản 4 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

<sup>3</sup> Điều 12. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã: 3. Lập dự án giao đất, giao rừng đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 102 Luật Lâm nghiệp; 7. Cấp kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã.

## 2. Về nội dung phương án, dự thảo Nghị quyết

2.1. Về phương án UBND xã trình xác định đối tượng (là cộng đồng dân cư Thôn 1 xã Đăk Sma nay là làng Đăk sma xã Kbang<sup>4</sup>), nguồn kinh phí chi cho công tác quản lý bảo vệ rừng (là Tiền sử dụng dịch vụ môi trường rừng năm 2025, và nguồn kinh phí chưa sử dụng năm 2024 chuyển sang: Tổng số tiền 33.917.857 đồng) căn cứ tại quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 là phù hợp, đảm bảo theo quy định; dự kiến các khoản chi đảm bảo theo quy định<sup>5</sup>.

2.2. Căn cứ Khoản 1, Điều 11 Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp xã: “*Phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng, xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 4 Điều 70 và điểm g khoản 4 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ*”; đề nghị bỏ cụm từ “**quyết định**” tại tiêu đề và Điều 1 của dự thảo Nghị quyết.

2.3. Tại Khoản 2, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã cơ bản thống nhất. Tuy nhiên, đề nghị bỏ cụm từ “**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã**”.

## 3. Kiến nghị

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân xã theo quy định.

## 4. Kết luận

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã thống nhất đề nghị Hội đồng nhân dân xã khóa I, Kỳ họp thứ Ba xem xét, phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025

<sup>4</sup> Điều 2 nghị định 156/2018/NĐ-CP. Đối tượng áp dụng. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp tại Việt Nam.

<sup>5</sup> Khoản 4 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng xây dựng phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh. Nội dung chi bao gồm:

a) Chi cho người bảo vệ rừng; b) Xăng, dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng; c) Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật; d) Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm; đ) Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng; e) Hội nghị, hội thảo sơ tổng kết và công tác thi đua khen thưởng; g) Các khoản chi khác.

Trên đây là báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025, Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân xã khóa I, Kỳ họp thứ Ba xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- TT.HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban VHXH HĐND xã;
- Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, BKTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**  
**TRƯỞNG BAN**



**Huỳnh Thị Hà Giang**





(kèm theo báo cáo số 15./BC-BKTNS ngày 10 tháng 9 năm 2025 của ban Kinh tế - Ngân sách (HND))

DVT: Đồng

| ST T | Nội dung   | KP năm trước tồn chuyển sang | KP năm 2025       | Tổng kinh phí thực hiện năm 2025 | Ghi chú |
|------|--|------------------------------|-------------------|----------------------------------|---------|
| A    | B  | 1                            | 2                 | 3                                | 4       |
| A    | <b>Kinh phí tiền DVMTR dự kiến năm 2025</b>  | <b>18.575.844</b>            | <b>15.342.013</b> | <b>33.917.857</b>                |         |
| 1    | Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang   | 18.575.844                   |                   | 18.575.844                       |         |
| 2    | Kinh phí dự kiến nhận trong năm 2025   |                              | 15.342.013        | 15.342.013                       |         |
| B    | <b>Phương án chi</b>   | <b>18.575.844</b>            | <b>15.342.013</b> | <b>33.917.857</b>                |         |
| 1    | <b>Chi cho người bảo vệ rừng</b>   | <b>9.000.000</b>             | <b>15.342.013</b> | <b>24.342.013</b>                |         |
| -    | Chi quản lý, bảo vệ rừng cho cộng đồng   |                              | 15.342.013        | 15.342.013                       |         |
| -    | Chi cho tổ lâm nghiệp xã tuần tra, kiểm tra rừng   | 9.000.000                    |                   | 9.000.000                        |         |
| 2    | <b>Xăng, dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng</b>   | <b>0</b>                     |                   | <b>0</b>                         |         |
| 3    | <b>Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật;</b>          | <b>0</b>                     |                   | <b>0</b>                         |         |
| 4    | <b>Chi phí quản lý: Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm; Văn phòng phẩm, công tác phí...</b>                          | <b>0</b>                     |                   | <b>0</b>                         |         |
| -    | Chi cho công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của tổ đội, quần chúng. Tham gia công tác tuần tra bảo vệ rừng. VPP, Công tác phí... |                              |                   | 0                                |         |
| 5    | <b>Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng;</b>                                 | <b>9.575.844</b>             |                   | <b>9.575.844</b>                 |         |
| -    | Xây dựng bảng tuyên truyền, biển báo, biển cảnh báo bảo vệ rừng và PCCC  | 9.575.844                    |                   | 9.575.844                        |         |
| 6    | <b>Hội nghị, hội thảo sơ tổng kết và công tác thi đua khen thưởng;</b>   |                              |                   |                                  |         |
| 7    | <b>Các khoản chi khác: Mua sắm công cụ dụng cụ...</b>  |                              |                   |                                  |         |

